

## **Quỹ Đầu tư Tăng trưởng Manulife**

Báo cáo của Ban Đại diện Quỹ và  
Các báo cáo tài chính đã được kiểm toán

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

# Quỹ Đầu tư Tăng trưởng Manulife

## MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
THÔNG TIN CHUNG	1 - 2
BÁO CÁO CỦA BAN ĐẠI DIỆN QUỸ	3
CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Báo cáo kiểm toán độc lập	4
Bảng cân đối kế toán	5
Báo cáo kết quả hoạt động	6
Báo cáo tài sản	7
Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng	8
Báo cáo danh mục đầu tư	9 - 11
Thuyết minh các báo cáo tài chính	12 - 24

# Quỹ Đầu Tư Tăng trưởng Manulife

## THÔNG TIN CHUNG

### QUỸ

Quỹ Đầu tư Tăng trưởng Manulife (“Quỹ”) được thành lập tại Việt Nam dưới hình thức quỹ đóng theo Giấy phép số 10/UBCK-GCN ngày 05 tháng 10 năm 2007 do Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước cấp. Theo quy định trên Giấy phép, Quỹ được phép phát hành 21.409.530 đơn vị quỹ ra công chúng với mệnh giá là 10.000 VNĐ/đơn vị quỹ. Quỹ được cấp phép hoạt động trong thời gian là 7 năm.

Quỹ được niêm yết tại Sở Giao Dịch Chứng Khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 181/QĐ-SGDHCM ngày 20 tháng 12 năm 2007 của Sở Giao Dịch Chứng Khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

Quỹ không có cán bộ công nhân viên. Quỹ được quản lý bởi Công ty TNHH Quản lý Quỹ Manulife Việt Nam (“MAMV”), Công ty Quản lý của Quỹ. Công ty được thành lập theo giấy phép số 04/UBCK-GPHĐQLQ do Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước cấp ngày 14 tháng 06 năm 2005 và các Quyết định điều chỉnh sau:

<i>Quyết định điều chỉnh số</i>	<i>Ngày</i>
413/QĐ-UBCK	Ngày 12 tháng 7 năm 2007
06/UBCK-GPĐCQLQ	Ngày 11 tháng 10 năm 2007
13/UBCK-GPĐCQLQ	Ngày 3 tháng 4 năm 2008
80/UBCK-GPĐC	Ngày 16 tháng 11 năm 2010
23/GPĐC-UBCK	Ngày 24 tháng 11 năm 2011
39/GPĐC-UBCK	Ngày 29 tháng 6 năm 2012

Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam) (“HSBC Việt Nam”) được chỉ định là Ngân hàng Giám sát và Lưu ký cho Quỹ. HSBC Việt Nam được thành lập theo Giấy phép số 235/GP-NHNN do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 8 tháng 9 năm 2008 và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4104006215 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 23 tháng 9 năm 2008 và sửa đổi ngày 26 tháng 11 năm 2008.

Mục tiêu đầu tư chính của Quỹ là sự tăng trưởng vốn. Quỹ đầu tư vào danh mục đầu tư tăng trưởng và đa dạng hóa, tập trung chủ yếu vào những chứng khoán của các công ty hoạt động tại Việt Nam có tốc độ tăng trưởng lợi nhuận cao và tiềm năng phát triển lâu dài. Các hoạt động đầu tư sẽ được thực hiện dưới hình thức chứng khoán niêm yết và chứng khoán sẽ niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam. Các khoản đầu tư này bao gồm cổ phiếu niêm yết, cổ phiếu sẽ niêm yết, trái phiếu chuyển đổi, trái phiếu Chính phủ, trái phiếu công ty và các khoản tiền gửi có kỳ hạn.

### NGÂN HÀNG GIÁM SÁT VÀ LƯU KÝ

Chức năng của Ngân hàng Giám sát và Lưu ký bao gồm lưu trữ hồ sơ, hoạt động lưu ký chứng khoán, thanh toán và đăng ký giao dịch chứng khoán tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán. Ngân hàng Giám sát và Lưu ký được chỉ định bởi Đại hội Nhà đầu tư, thực hiện lưu ký chứng khoán, lưu trữ các hợp đồng kinh kế và ghi nhận tài sản của Quỹ cũng như giám sát hoạt động của Quỹ. Quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng Giám sát và Lưu ký được quy định tại Điều lệ Quỹ.

# Quỹ Đầu Tư Tăng trưởng Manulife

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

## BAN ĐẠI DIỆN QUỸ

Các thành viên Ban Đại diện Quỹ trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 và vào ngày lập báo cáo này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/từ nhiệm
Ông Thái Hoàng Long	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 29 tháng 3 năm 2012
Bà Nguyễn Ngọc Trang	Chủ tịch	Từ nhiệm ngày 29 tháng 3 năm 2012
Ông Tống Văn Dũng (đại diện Công ty Cổ phần Đầu tư Hà Việt)	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 29 tháng 3 năm 2012
Ông Võ Văn Tiến	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 29 tháng 3 năm 2012
Bà Nguyễn Ngọc Trang	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 29 tháng 3 năm 2012
Bà Lâm Lệ Linh	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 29 tháng 3 năm 2012
Bà Trịnh Bích Ngọc	Thành viên	Từ nhiệm ngày 29 tháng 3 năm 2012

## KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán của Quỹ.

# Quỹ Đầu Tư Tăng trưởng Manulife

## BÁO CÁO CỦA BAN ĐẠI DIỆN QUỸ

Ban Đại diện Quỹ Đầu tư Tăng trưởng Manulife ("Quỹ") trình bày báo cáo này và các báo cáo tài chính của Quỹ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

### TRÁCH NHIỆM CỦA CÔNG TY TNHH QUẢN LÝ QUỸ MANULIFE VIỆT NAM ĐỐI VỚI CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty TNHH Quản lý Quỹ Manulife Việt Nam chịu trách nhiệm đối với các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Quyết định số 63/2005/QĐ-BTC ngày 14 tháng 9 năm 2005 và Quyết định số 45/2007/QĐ-BTC ngày 5 tháng 6 năm 2007 do Bộ Tài chính ban hành về hệ thống kế toán và báo cáo tài chính áp dụng cho các quỹ đầu tư chứng khoán và các báo cáo tài chính này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính và kết quả hoạt động của Quỹ trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012. Trong quá trình lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc Công ty TNHH Quản lý Quỹ Manulife Việt Nam được yêu cầu phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Quỹ có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong các báo cáo tài chính; và
- ▶ lập các báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Quỹ sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc Công ty TNHH Quản lý Quỹ Manulife Việt Nam chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Quỹ, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với hệ thống kế toán đã được áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Quỹ và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty TNHH Quản lý Quỹ Manulife Việt Nam cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập các báo cáo tài chính của Quỹ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

### CÔNG BỐ CỦA BAN ĐẠI DIỆN QUỸ

Ban Đại diện Quỹ phê duyệt các báo cáo tài chính đính kèm. Các báo cáo tài chính này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Quỹ vào ngày 31 tháng 12 năm 2012 và kết quả hoạt động cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán và Hệ thống Kế toán Việt Nam và theo chính sách kế toán được quy định tại Quyết định số 63/2005/QĐ-BTC ngày 14 tháng 9 năm 2005 và Quyết định số 45/2007/QĐ-BTC ngày 5 tháng 6 năm 2007 của Bộ Tài chính và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan.

Thay mặt Ban Đại diện Quỹ:



Ông Thái Hoàng Long  
Chủ tịch

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 22 tháng 2 năm 2013

Số tham chiếu: 60760547/15415838

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các nhà đầu tư của Quỹ Đầu Tư Tăng trưởng Manulife**

Chúng tôi đã kiểm toán các báo cáo tài chính của Quỹ Đầu tư Tăng trưởng Manulife ("Quỹ") được trình bày từ trang 5 đến trang 24, bao gồm bảng cân đối kế toán, báo cáo tài sản và báo cáo danh mục đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, báo cáo kết quả hoạt động, báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo (sau đây gọi chung là "các báo cáo tài chính").

Việc lập và trình bày các báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc của Công ty TNHH Quản lý Quỹ Manulife Việt Nam là Công ty Quản lý của Quỹ và đã được kiểm tra bởi Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam) là Ngân hàng Giám sát và Lưu ký của Quỹ. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính này dựa trên việc kiểm toán của chúng tôi.

### **Cơ sở Ý kiến Kiểm toán**

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các quy định của các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện việc kiểm toán để đạt được mức tin cậy hợp lý về việc liệu các báo cáo tài chính có còn các sai sót trọng yếu hay không. Việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, theo phương pháp chọn mẫu, các bằng chứng về số liệu và các thuyết minh trên các báo cáo tài chính. Việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các nguyên tắc kế toán đã được áp dụng và các ước tính quan trọng của Ban Giám đốc của Công ty TNHH Quản lý Quỹ Manulife Việt Nam cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể các báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán của chúng tôi cung cấp cơ sở hợp lý cho ý kiến kiểm toán.

### **Ý kiến Kiểm toán**

Theo ý kiến của chúng tôi, các báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Quỹ vào ngày 31 tháng 12 năm 2012 và kết quả hoạt động cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán và Hệ thống Kế toán Việt Nam, và các chính sách kế toán được quy định tại Quyết định số 63/2005/QĐ-BTC ngày 14 tháng 9 năm 2005 về việc ban hành Chế độ kế toán Quỹ Đầu tư chứng khoán và Quyết định số 45/2007/QĐ-BTC ngày 5 tháng 6 năm 2007 về việc ban hành Quy chế thành lập và quản lý Quỹ đầu tư chứng khoán của Bộ Tài chính và tuân thủ các quy định có liên quan.



*Ernst & Young Vietnam Ltd.*  
Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam  
TP. HỒ CHÍ MINH

Nguyễn Xuân Đại  
Phó Tổng Giám đốc  
Chứng chỉ kiểm toán viên số: 0452/KTV

*Trần Thị Minh Tiến*  
Trần Thị Minh Tiến  
Kiểm toán viên  
Chứng chỉ kiểm toán viên số: 1331/KTV

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 22 tháng 2 năm 2013

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2012


VND

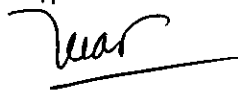
Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 12 năm 2012	Ngày 31 tháng 12 năm 2011
<b>A. TÀI SẢN</b>				
110	1. Tiền gửi ngân hàng	4	13.744.040.782	11.822.500.501
120	2. Đầu tư chứng khoán	5	134.870.387.175	106.902.835.700
131	3. Phải thu từ hoạt động đầu tư	6	57.655.000	137.721.111
<b>200</b>	<b>TỔNG TÀI SẢN</b>		<b>148.672.082.957</b>	<b>118.863.057.312</b>
<b>B. NGUỒN VỐN</b>				
<b>300</b>	<b>I. Nợ phải trả</b>		<b>580.777.820</b>	<b>570.467.019</b>
315	1. Phải trả cho Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám sát và Lưu ký	7	267.264.282	217.516.845
318	2. Phải trả khác	8	313.513.538	352.950.174
<b>400</b>	<b>II. Nguồn vốn chủ sở hữu</b>		<b>148.091.305.137</b>	<b>118.292.590.293</b>
410	1. Vốn góp của các nhà đầu tư	9	214.095.300.000	214.095.300.000
420	2. Lỗ lũy kế	10	(66.003.994.863)	(95.802.709.707)
<b>430</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>148.672.082.957</b>	<b>118.863.057.312</b>

**CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Ngày 31 tháng 12 năm 2012	Ngày 31 tháng 12 năm 2011
1	Chứng khoán theo mệnh giá	40.228.280.000	41.427.080.000

  
 Công ty TNHH Quản lý Quỹ Manulife Việt Nam  
 Bà Kiều Thị Minh Hằng  
 Người lập

  
 Công ty TNHH Quản lý Quỹ Manulife Việt Nam  
 Bà Ngô Thị Bạch Minh Luân  
 KT. Kế toán trưởng

Trưởng phòng Nghiệp vụ Quản lý Quỹ  
 CÔNG TY  
 TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN  
 QUẢN LÝ QUỸ  
 MANULIFE  
 VIỆT NAM



  
 Ngân hàng Thương mại Cổ phần HSBC  
 (Việt Nam) - Chi nhánh Hồ Chí Minh  
 Bộ Phận Dịch Vụ Chứng Khoán HSBC  
 Thành phố Hồ Chí Minh, Việt nam  
 Ngày 22 tháng 2 năm 2013

  
 Công ty TNHH Quản lý Quỹ Manulife Việt Nam  
 Bà Nguyễn Vũ Ngọc Trinh  
 Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2012	Năm 2011
	<b>A. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG ĐÃ THỰC HIỆN</b>			
<b>10</b>	<b>I. Thu nhập từ hoạt động đầu tư đã thực hiện</b>		<b>2.700.695.076</b>	<b>6.438.109.254</b>
11	1. Cổ tức được nhận		7.011.251.090	4.823.264.200
12	2. Lãi trái phiếu được nhận		-	35.200.438
13	3. Lãi tiền gửi		240.891.868	416.475.607
14	4. (Lỗ)/lãi từ kinh doanh chứng khoán		(4.551.447.882)	1.163.169.009
15	5. Thu nhập khác		-	-
<b>30</b>	<b>II. Chi phí</b>		<b>3.739.661.388</b>	<b>3.712.951.744</b>
31	1. Phí quản lý quỹ và thưởng hoạt động	14(i)	2.866.831.503	2.730.108.968
32	2. Phí giám sát, lưu ký tài sản Quỹ		266.657.921	260.733.039
33	3. Chi phí họp, đại hội		111.433.326	113.730.000
34	4. Chi phí kiểm toán		203.936.000	252.913.619
38	5. Phí và chi phí khác	11	290.802.638	355.466.118
<b>50</b>	<b>III. Kết quả hoạt động ròng đã thực hiện trong năm</b>		<b>(1.038.966.312)</b>	<b>2.725.157.510</b>
	<b>B. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CHƯA THỰC HIỆN</b>			
<b>60</b>	<b>I. Thu nhập</b>		<b>33.145.243.140</b>	<b>7.181.964.138</b>
61	1. Thu nhập do đánh giá lại các khoản đầu tư chứng khoán		33.145.243.140	7.181.964.138
<b>70</b>	<b>II. Chi phí</b>		<b>(2.307.561.984)</b>	<b>(40.313.522.598)</b>
71	1. Lỗ do đánh giá lại các khoản đầu tư chứng khoán		(2.307.561.984)	(40.313.522.598)
<b>80</b>	<b>III. Kết quả hoạt động ròng chưa thực hiện trong năm</b>		<b>30.837.681.156</b>	<b>(33.131.558.460)</b>
<b>90</b>	<b>Lợi nhuận/(lỗ) thuần trong năm</b>		<b>29.798.714.844</b>	<b>(30.406.400.950)</b>

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Manulife Việt Nam  
Bà Kiều Thị Minh Hằng  
Người lập

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Manulife Việt Nam  
Bà Ngô Thị Bạch Minh Luân  
K.K. Kế toán trưởng  
Trưởng phòng Nghiệp vụ Quản lý Quỹ



Ngân hàng TNHH Một thành viên HSBC  
(Việt Nam)

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam  
Ngày 22 tháng 2 năm 2013



Công ty TNHH Quản lý Quỹ Manulife Việt Nam  
Bà Nguyễn Vũ Ngọc Trinh  
Tổng Giám đốc



BÁO CÁO TÀI SẢN  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

VND

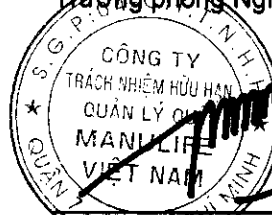
Mã số	CHỈ TIÊU	Ngày 31 tháng 12 năm 2012	Ngày 31 tháng 12 năm 2011
1	Tiền	13.744.040.782	11.822.500.501
2	Các khoản đầu tư	134.870.387.175	106.902.835.700
2.1	Cổ phiếu	134.803.117.800	106.902.835.700
2.1.1	Cổ phiếu niêm yết	134.803.117.800	106.902.835.700
2.2	Quyền mua cổ phiếu niêm yết	67.269.375	-
3	Cổ tức được nhận	57.655.000	133.000.000
4	Lãi được nhận	-	4.721.111
	<b>Tổng tài sản</b>	<b>148.672.082.957</b>	<b>118.863.057.312</b>
5	Phải trả cho Ban Đại diện Quỹ	-	-
6	Phải trả cho Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám sát và Lưu ký	(267.264.282)	(217.516.845)
7	Các khoản phải trả khác	(313.513.538)	(352.950.174)
	<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>(580.777.820)</b>	<b>(570.467.019)</b>
	<b>Tài sản ròng của Quỹ</b>	<b>148.091.305.137</b>	<b>118.292.590.293</b>
8	Tổng số đơn vị quỹ	21.409.530	21.409.530
9	Giá trị tài sản ròng của một đơn vị quỹ (mệnh giá 10.000 VNĐ/đơn vị quỹ)	6.917	5.525

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Manulife Việt Nam  
Bà Kiều Thị Minh Hằng  
Người lập

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Manulife Việt Nam  
Bà Ngô Thị Bạch Minh Luân  
KT. Kế toán trưởng  
Trưởng phòng Nghiệp vụ Quản lý Quỹ



**Thị Thành Tâm**  
Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam)  
30 Phố Dịch Vụ Chứng Khoán HSBC




Công ty TNHH Quản lý Quỹ Manulife Việt Nam  
Bà Nguyễn Vũ Ngọc Trinh  
Tổng Giám đốc

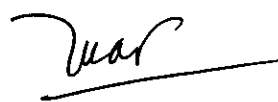
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam  
Ngày 22 tháng 2 năm 2013

BÁO CÁO THAY ĐỔI GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012



VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	Năm 2012	Năm 2011
I	<b>Giá trị tài sản ròng đầu năm</b>	<b>118.292.590.293</b>	<b>148.698.991.243</b>
II	<b>Thay đổi giá trị tài sản ròng trong năm</b>	<b>29.798.714.844</b>	<b>(30.406.400.950)</b>
1	Trong đó: - Thay đổi giá trị tài sản ròng do các hoạt động liên quan đến đầu tư của Quỹ trong năm	29.798.714.844	(30.406.400.950)
III	<b>Giá trị tài sản ròng cuối năm</b>	<b>148.091.305.137</b>	<b>118.292.590.293</b>

  
Công ty TNHH Quản lý Quỹ Manulife Việt Nam  
Bà Kiều Thị Minh Hằng  
Người lập

  
Công ty TNHH Quản lý Quỹ Manulife Việt Nam  
Bà Ngô Thị Bạch Minh Luân  
KT. Kế toán trưởng  
Trưởng phòng Nghiệp vụ Quản lý Quỹ

  
  
Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC  
(Việt Nam)  
Chi nhánh Hồ Chí Minh  
Bộ Phận Dịch Vụ Chứng Khoán HSBC

  
  
Công ty TNHH Quản lý Quỹ Manulife Việt Nam  
Bà Nguyễn Vũ Ngọc Trinh  
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 22 tháng 2 năm 2013

BÁO CÁO DANH MỤC ĐẦU TƯ  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

STT	CHỈ TIÊU	Số lượng	Giá thị trường ngày 31 tháng 12 năm 2012 (VNĐ)	Tổng giá trị (VNĐ)	Tỷ lệ trên tổng giá trị tài sản của Quỹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 (%)
<b>I</b>	<b>Cổ phiếu niêm yết</b>			<b>134.803.117.800</b>	<b>90,67%</b>
1	Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam (VNM)	282.455	88.000	24.856.040.000	16,72%
2	Tập đoàn Masan (MSN)	160.100	102.000	16.330.200.000	10,98%
3	Tổng Công ty Khí Việt Nam (GAS)	390.220	38.600	15.062.492.000	10,13%
4	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam (VCB)	353.510	27.200	9.615.472.000	6,47%
5	Tổng Công ty cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí (DPM)	206.000	35.800	7.374.800.000	4,96%
6	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội (MBB)	538.155	12.500	6.726.937.500	4,52%
7	Công ty Cổ phần FPT (FPT)	174.937	35.200	6.157.782.400	4,14%
8	Tập đoàn Bảo Việt (BVH)	158.217	38.400	6.075.532.800	4,09%
9	Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang (DHG)	75.940	73.000	5.543.620.000	3,73%
10	Tập đoàn Hòa Phát (HPG)	212.592	21.000	4.464.432.000	3,00%
11	Tổng Công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ Khoan Dầu khí Petro Việt Nam (PVD)	115.233	37.500	4.321.237.500	2,91%
12	Tập đoàn Hoàng Anh Gia Lai (HAG)	183.379	21.600	3.960.986.400	2,66%
13	Công ty Cổ phần Vincom (VIC)	44.370	80.000	3.549.600.000	2,39%
14	Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại (PPC)	271.900	11.900	3.235.610.000	2,18%
15	Công ty Cổ phần Cao Su Đồng Phú (DPR)	57.900	54.000	3.126.600.000	2,10%
16	Công ty Cổ phần Cơ điện lạnh (REE)	162.168	16.600	2.691.988.800	1,81%
17	Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HCM)	114.000	21.600	2.462.400.000	1,66%
18	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Bến Tre (ABT)	52.087	42.500	2.213.697.500	1,49%
19	Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn (SSI)	73.980	16.300	1.205.874.000	0,81%
20	Công ty Cổ phần Bourbon Tây Ninh (SBT)	74.000	16.000	1.184.000.000	0,80%
21	Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Bình Chánh (BCI)	65.200	15.400	1.004.080.000	0,67%

BÁO CÁO DANH MỤC ĐẦU TƯ (tiếp theo)  
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

STT	CHỈ TIÊU	Số lượng	Giá thị trường ngày 31 tháng 12 năm 2012 (VNĐ)	Tổng giá trị (VNĐ)	Tỷ lệ trên tổng giá trị tài sản của Quỹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 (%)
<b>I</b>	<b>Cổ phiếu niêm yết (tiếp theo)</b>				
22	Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn – Sông Hinh (VSH)	80.060	10.300	824.618.000	0,55%
23	Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Xây dựng (DIG)	63.419	12.800	811.763.200	0,55%
24	Công ty Cổ phần Phát triển nhà Bà Rịa-Vũng Tàu (HDC)	48.619	14.300	695.251.700	0,47%
25	Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Tp.Hồ Chí Minh (CI)	22.995	23.300	535.783.500	0,36%
26	Tập đoàn Hoa Sen (HSG)	21.160	19.200	406.272.000	0,27%
27	Công ty Cổ phần Gemadept (GMD)	20.166	18.100	365.004.600	0,25%
28	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu (ACB)	28	16.500	462.000	0,00%
29	Công ty Cổ phần Dung dịch Khoan và Hóa phẩm Dầu khí (PVC)	21	13.100	275.100	0,00%
30	Công ty Cổ phần Kinh Đô (KDC)	3	40.000	120.000	0,00%
31	Công ty Cổ phần Phát triển Nhà Thủ Đức (TDH)	5	12.100	60.500	0,00%
32	Công ty Cổ phần Xây dựng và Kinh doanh Địa ốc Hoà Bình (HBC)	4	13.000	52.000	0,00%
33	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xuất nhập khẩu Việt Nam (EIB)	3	15.700	47.100	0,00%
34	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Cửu Long An Giang (ACL)	2	12.600	25.200	0,00%

BÁO CÁO DANH MỤC ĐẦU TƯ (tiếp theo)  
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

STT	CHỈ TIÊU	Số lượng	Giá thị trường ngày 31 tháng 12 năm 2012 (VNĐ)	Tổng giá trị (VNĐ)	Tỷ lệ trên tổng giá trị tài sản của Quỹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 (%)
<b>II</b>	<b>Các loại chứng khoán khác</b>				
1	Quyền mua cổ phiếu MBB	538.155	125	67.269.375	0,05%
<b>III</b>	<b>Các tài sản khác</b>				
1	Cổ tức được nhận			57.655.000	0,04%
2	Lãi tiền gửi được nhận			-	-
<b>IV</b>	<b>Tiền</b>				
1	Tiền gửi ngân hàng			13.744.040.782	9,24%
<b>V</b>	<b>TỔNG GIÁ TRỊ DANH MỤC</b>			<b>148.672.082.957</b>	<b>100,00%</b>

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Manulife Việt Nam  
 Bà Kiều Thị Minh Hằng  
 Người lập

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Manulife Việt Nam  
 Bà Ngô Thị Bạch Minh Luân  
 KT. Kế toán trưởng  
 Trưởng phòng Nghiệp vụ Quản lý Quỹ

Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC  
 (Việt Nam) Chi nhánh Quản lý Quỹ  
 Bộ Phận Dịch Vụ Chứng Khoán HSBC

CÔNG TY  
 TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN  
 QUẢN LÝ QUỸ  
 MANULIFE  
 VIỆT NAM

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Manulife Việt Nam  
 Bà Nguyễn Vũ Ngọc Trinh  
 Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 22 tháng 2 năm 2013

## THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 1. THÔNG TIN VỀ QUỸ

Quỹ Đầu tư Tăng trưởng Manulife ("Quỹ") được thành lập tại Việt Nam dưới hình thức quỹ đóng theo Giấy phép số 10/UBCK-GCN ngày 05 tháng 10 năm 2007 do Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước cấp. Theo quy định trên Giấy phép, Quỹ được phép phát hành 21.409.530 đơn vị quỹ ra công chúng với mệnh giá là 10.000 VNĐ/đơn vị quỹ. Quỹ được cấp phép hoạt động trong thời gian là 7 năm.

Quỹ được niêm yết tại Sở Giao Dịch Chứng Khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy phép số 181/QĐ-SGDHCM ngày 20 tháng 12 năm 2007 của Sở Giao Dịch Chứng Khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

Quỹ không có cán bộ công nhân viên. Quỹ được quản lý bởi Công ty TNHH Quản lý Quỹ Manulife Việt Nam ("MAMV"), Công ty Quản lý của Quỹ. Công ty được thành lập theo giấy phép số 04/UBCK-GPHĐQLQ do Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước cấp ngày 14 tháng 06 năm 2005 và các Quyết định điều chỉnh sau:

Quyết định điều chỉnh số	Ngày
413/QĐ-UBCK	Ngày 12 tháng 7 năm 2007
06/UBCK-GPĐCQLQ	Ngày 11 tháng 10 năm 2007
13/UBCK-GPĐCQLQ	Ngày 3 tháng 4 năm 2008
80/UBCK-GPĐC	Ngày 16 tháng 11 năm 2010
23/GPĐC-UBCK	Ngày 24 tháng 11 năm 2011
39/GPĐC-UBCK	Ngày 29 tháng 6 năm 2012

Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam) ("HSBC Việt Nam") được chỉ định là Ngân hàng Giám sát và Lưu ký cho Quỹ. HSBC Việt Nam được thành lập theo Giấy phép số 235/GP-NHNN do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 8 tháng 9 năm 2008 và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4104006215 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 23 tháng 9 năm 2008 và sửa đổi ngày 26 tháng 11 năm 2008.

Mục tiêu đầu tư chính của Quỹ là sự tăng trưởng vốn. Quỹ đầu tư vào danh mục đầu tư tăng trưởng và đa dạng hóa, tập trung chủ yếu vào những chứng khoán của các công ty hoạt động tại Việt Nam có tốc độ tăng trưởng lợi nhuận cao và tiềm năng phát triển lâu dài. Các hoạt động đầu tư sẽ được thực hiện dưới hình thức chứng khoán niêm yết và chứng khoán sẽ niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam. Các khoản đầu tư này bao gồm cổ phiếu niêm yết, cổ phiếu sẽ niêm yết, trái phiếu chuyển đổi, trái phiếu Chính phủ, trái phiếu công ty và các khoản tiền gửi có kỳ hạn.

### 2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

#### 2.1 Chuẩn mực và Hệ thống kế toán áp dụng

Các báo cáo tài chính của Quỹ được trình bày theo đơn vị đồng Việt Nam ("VNĐ"), được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Quyết định số 63/2005/QĐ-BTC ngày 14 tháng 9 năm 2005 và Quyết định số 45/2007/QĐ-BTC ngày 5 tháng 6 năm 2007 do Bộ Tài chính ban hành về hệ thống kế toán và báo cáo tài chính áp dụng cho các quỹ đầu tư chứng khoán và Hệ thống Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành bao gồm:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành và công bố 4 chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành và công bố 6 chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành và công bố 6 chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 02 năm 2005 về việc ban hành và công bố 6 chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành và công bố 4 chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 5).

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

### 2.1 *Chuẩn mực và Hệ thống kế toán áp dụng* (tiếp theo)

Các báo cáo tài chính được lập trên cơ sở giá gốc, ngoại trừ các khoản đầu tư được đo lường theo giá trị hợp lý (Thuyết minh số 3.1).

Theo Quyết định số 63/2005/QĐ-BTC ngày 14 tháng 9 năm 2005 của Bộ Tài chính ban hành, các báo cáo tài chính của Quỹ bao gồm:

1. Bảng cân đối kế toán
2. Báo cáo kết quả hoạt động
3. Báo cáo tài sản
4. Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng
5. Báo cáo danh mục đầu tư
6. Thuyết minh các báo cáo tài chính

Các báo cáo tài chính kèm theo được lập trên cơ sở tuân thủ các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận tại Việt Nam, việc sử dụng các báo cáo này không dành cho những ai không thông hiểu các thông lệ, thủ tục và nguyên tắc kế toán Việt Nam và ngoài ra, những báo cáo này không nhằm vào việc trình bày tình hình tài chính và kết quả kinh doanh theo các nguyên tắc và thực hành kế toán được chấp nhận phổ biến ở các nước và các thể chế khác ngoài Việt Nam.

### 2.2 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Quỹ là Nhật ký Chung.

### 2.3 *Niên độ kế toán*

Niên độ kế toán của Quỹ bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

### 2.4 *Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán*

Đơn vị sử dụng trong kế toán là tiền đồng Việt Nam và các báo cáo tài chính được trình bày theo đơn vị đồng Việt Nam ("VNĐ").

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá áp dụng vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động.

Tài sản và nợ phải trả bằng tiền gốc ngoại tệ tại ngày của bảng cân đối kế toán được đánh giá lại theo tỷ giá áp dụng vào ngày của bảng cân đối kế toán. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

## 3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

### 3.1 *Các khoản đầu tư*

Các khoản đầu tư của Quỹ bao gồm các cổ phiếu đã niêm yết, cổ phiếu chưa niêm yết, trái phiếu và tiền gửi có kỳ hạn. Các khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá mua cộng với chi phí liên quan đến việc mua các khoản đầu tư đó. Các khoản đầu tư được đánh giá lại hàng tuần và hàng tháng theo giá trị hợp lý và khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện từ đánh giá lại khoản đầu tư được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động theo quy định tại Quyết định số 63/2005/QĐ-BTC ngày 14 tháng 9 năm 2005 của Bộ Tài chính.

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.1 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Phương pháp đánh giá lại khoản đầu tư được áp dụng phù hợp với Quyết định số 45/2007/QĐ-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 5 tháng 6 năm 2007. Cụ thể như sau:

- ▶ Các khoản đầu tư đã niêm yết được đánh giá theo giá đóng cửa của ngày giao dịch gần nhất;
- ▶ Các khoản đầu tư có giao dịch trên thị trường không chính thức được đánh giá theo giá bình quân lấy từ ba công ty chứng khoán và có xem xét thêm tính thanh khoản của cổ phiếu; và
- ▶ Các khoản đầu tư khác được đánh giá theo mức giá của lần góp vốn gần nhất, giá gốc hay bằng cách áp dụng các phương pháp khác mà đã được Ngân hàng Giám sát và Lưu ký đồng ý và Đại hội Nhà đầu tư chấp thuận.

##### *Phân loại*

Quỹ phân loại các chứng khoán niêm yết và chưa niêm yết được mua với mục đích kinh doanh là chứng khoán kinh doanh.

##### *Ghi nhận*

Quỹ ghi nhận các khoản đầu tư mua bán chứng khoán vào ngày Quỹ thực hiện các giao dịch này.

##### *Chấm dứt ghi nhận*

Các khoản đầu tư chứng khoán được chấm dứt ghi nhận khi quyền được nhận luồng tiền từ khoản đầu tư chứng khoán đó đã chấm dứt hoặc Quỹ đã không còn nắm giữ phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu chứng khoán.

Giá vốn của chứng khoán kinh doanh được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

##### *Quyền mua chứng khoán*

Quyền mua cổ phiếu được hạch toán ban đầu vào các khoản đầu tư với giá trị bằng không (0). Quyền mua cổ phiếu này được đánh giá lại và hạch toán vào ngày lập bảng cân đối kế toán theo giá thị trường của cổ phiếu đó sau khi trừ giá cam kết mua nhân với tỷ lệ thực hiện quyền mua cổ phiếu đó.

#### 3.2 Các giao dịch về vốn và thặng dư vốn

Các chứng chỉ quỹ với quyền hưởng cổ tức được phân loại thành vốn.

Thặng dư vốn thể hiện chênh lệch giữa số tiền thực nhận và mệnh giá được ghi nhận đối với các đơn vị quỹ đã phát hành.

#### 3.3 Giá trị tài sản ròng trên mỗi đơn vị quỹ

Giá trị tài sản ròng trên mỗi đơn vị quỹ được tính bằng cách chia tổng giá trị tài sản ròng của Quỹ trên bảng cân đối kế toán cho số đơn vị quỹ đã phát hành tại ngày lập bảng cân đối kế toán. Giá trị tài sản ròng của Quỹ được xác định bằng cách lấy tổng tài sản trừ tổng nợ phải trả.

#### 3.4 Tiền

Tiền bao gồm tiền gửi ngân hàng.



THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.5 Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu bao gồm các khoản phải thu từ hoạt động kinh doanh chứng khoán, cổ tức, lãi tiền gửi ngân hàng và phải thu khác. Các khoản phải thu được ghi nhận theo giá gốc ban đầu.

Các khoản nợ phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo dự kiến tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan phát luật truy tố, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết. Chi phí dự phòng phát sinh được hạch toán vào chi phí trong kỳ.

Đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán thì mức trích lập dự phòng theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 như sau:

<u>Thời gian quá hạn</u>	<u>Mức trích dự phòng</u>
Từ trên sáu (06) tháng đến dưới một (01) năm	30%
Từ một (01) năm đến dưới hai (02) năm	50%
Từ hai (02) năm đến dưới ba (03) năm	70%
Trên ba (03) năm	100%

**3.6 Các khoản phải trả**

Các khoản phải trả thể hiện theo giá gốc.

**3.7 Các khoản chi phí**

Các khoản chi phí được hạch toán theo phương pháp dự thu dự chi. Các khoản chi phí được hạch toán vào kết quả hoạt động ngoại trừ các chi phí phát sinh từ việc đầu tư mà đã được hạch toán vào giá mua các khoản đầu tư đó. Các khoản chi phí phát sinh từ việc bán các khoản đầu tư được trừ vào tiền thu từ việc bán các khoản đầu tư.

**3.8 Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi Quý có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

*Tiền lãi*

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

*Cổ tức*

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền được nhận khoản cổ tức của Quý với tư cách là nhà đầu tư được xác lập.

**3.9 Cổ phiếu thường và cổ tức chia bằng cổ phiếu**

Cổ phiếu thường và cổ tức chia bằng cổ phiếu được hạch toán vào các khoản đầu tư với giá trị bằng không (0) và được đánh giá lại theo giá trị thị trường và phản ánh trong các báo cáo tài chính vào ngày lập bảng cân đối kế toán.



THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.10 Thuế**

Theo các quy định hiện hành tại Việt Nam, Quỹ không phải trả thuế thu nhập doanh nghiệp. Tuy nhiên, khi Quỹ trả cổ tức cho các tổ chức đầu tư, không phân biệt tổ chức đầu tư trong nước hoặc ngoài, Quỹ cần giữ lại 25% lợi nhuận được phân phối (ngoại trừ phần lợi nhuận được phân phối mà đã chịu thuế thu nhập doanh nghiệp ở khâu trước và lãi trái phiếu thu được từ trái phiếu thuộc diện miễn thuế theo qui định của pháp luật) theo Công văn số 10945/BTC-TCT ngày 19 tháng 8 năm 2010 do Bộ Tài chính ban hành.

Theo Thông tư 84/2008/TT-BTC ngày 30 tháng 9 năm 2008 do Bộ Tài chính ban hành, trước mỗi lần trả cổ tức cho cá nhân đầu tư vốn, các tổ chức có trách nhiệm khấu trừ thuế thu nhập cá nhân. Số thuế khấu trừ được xác định bằng lợi tức, cổ tức mỗi lần trả nhân với thuế suất 5%.

**3.11 Các bên liên quan**

Các bên được coi là có liên quan bao gồm các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Quỹ hoặc chịu sự kiểm soát của Quỹ, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Quỹ. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Quỹ mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Quỹ, những nhân viên quản lý chủ chốt như giám đốc, viên chức của Quỹ, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải chỉ là hình thức pháp lý.

**3.12 Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán**

Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán theo định nghĩa trong Quyết định số 63/2005/QĐ-BTC ngày 14 tháng 9 năm 2005 của Bộ Tài chính về việc ban hành chế độ kế toán cho quỹ đầu tư chứng khoán được trình bày trong thuyết minh tương ứng của các báo cáo tài chính này.

**3.13 Số dư bằng không**

Các khoản mục hay số dư được quy định trong Quyết định số 63/2005/QĐ-BTC ngày 14 tháng 9 năm 2005 của Bộ Tài chính về việc ban hành chế độ kế toán cho các quỹ đầu tư chứng khoán không được thể hiện trong các báo cáo tài chính này thì được hiểu là có số dư bằng không.

**4. TIỀN GỬI NGÂN HÀNG**

Tiền gửi ngân hàng thể hiện tiền gửi bằng đồng Việt Nam vào thời điểm cuối năm tại ngân hàng sau đây:

	VNĐ	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2012	Ngày 31 tháng 12 năm 2011
Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng Commonwealth Bank of Australia - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	-	6.070.000.000
Tiền gửi thanh toán tại Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam)	13.744.040.782	5.752.500.501
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>13.744.040.782</b>	<b>11.822.500.501</b>

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**5. ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN**

Tất cả các công ty được đầu tư (niêm yết) như trên Báo cáo danh mục đầu tư đều được thành lập và hoạt động tại Việt Nam.

Quý không tham gia vào các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động hàng ngày của các công ty đầu tư. Theo đó, Quý không có ý định kiểm soát hay có ảnh hưởng đáng kể đến các công ty đầu tư và do đó các khoản đầu tư của Quý được ghi nhận trên cơ sở được trình bày ở Thuyết minh 3.1, thay vì được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu hay hợp nhất.

Chi tiết đầu tư chứng khoán được trình bày tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 như sau:

	VNĐ			
	Giá mua	Lãi do đánh giá lại	Lỗ do đánh giá lại	Giá trị hợp lý tại ngày 31 tháng 12 năm 2012
Cổ phiếu niêm yết	150.696.317.249	16.346.241.326	(32.239.440.775)	134.803.117.800
Quyền mua cổ phiếu niêm yết	-	67.269.375	-	67.269.375
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>150.696.317.249</b>	<b>16.413.510.701</b>	<b>(32.239.440.775)</b>	<b>134.870.387.175</b>

Chi tiết đầu tư chứng khoán được trình bày tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 như sau:

	VNĐ			
	Giá mua	Lãi do đánh giá lại	Lỗ do đánh giá lại	Giá trị hợp lý tại ngày 31 tháng 12 năm 2011
Cổ phiếu niêm yết	153.566.446.930	9.339.382.673	(56.002.993.903)	106.902.835.700
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>153.566.446.930</b>	<b>9.339.382.673</b>	<b>(56.002.993.903)</b>	<b>106.902.835.700</b>

**6. PHẢI THU TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ**

	VNĐ	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2012	Ngày 31 tháng 12 năm 2011
Cổ tức được nhận	57.655.000	133.000.000
Lãi tiền gửi được nhận	-	4.721.111
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>57.655.000</b>	<b>137.721.111</b>

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**7. PHẢI TRẢ CHO CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ VÀ NGÂN HÀNG GIÁM SÁT VÀ LƯU KÝ**

	VNĐ	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2012	Ngày 31 tháng 12 năm 2011
Phí quản lý Quỹ	247.264.282	197.516.845
Phí giám sát và lưu ký Quỹ	20.000.000	20.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>267.264.282</b>	<b>217.516.845</b>

**8. PHẢI TRẢ KHÁC**

	VNĐ	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2012	Ngày 31 tháng 12 năm 2011
Chi phí kiểm toán	181.500.000	218.790.000
Phải trả chi phí hợp, đại hội	132.013.538	134.160.174
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>313.513.538</b>	<b>352.950.174</b>

**9. VỐN GÓP CỦA NHÀ ĐẦU TƯ**

	VNĐ	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2012	Ngày 31 tháng 12 năm 2011
Vốn góp của các nhà đầu tư	214.095.300.000	214.095.300.000

Căn cứ theo Giấy phép số 10/UBCK-GCN, Quỹ được phép phát hành 21.409.530 đơn vị quỹ ra công chúng với mệnh giá là 10.000 VNĐ/đơn vị quỹ. Tất cả các đơn vị quỹ đều có quyền như nhau, bao gồm quyền biểu quyết, hưởng cổ tức, hoàn trả vốn góp và các quyền khác. Mỗi đơn vị quỹ đã phát hành và góp đủ vốn được quyền hưởng cổ tức khi Công ty Quản lý Quỹ công bố và tương ứng một quyền biểu quyết.

Chi tiết các cổ đông nắm giữ đơn vị quỹ với số lượng cụ thể như sau:

Cổ đông	Vốn góp (VNĐ)	Số đơn vị Quỹ nắm giữ	%
Công ty TNHH Manulife Việt Nam	83.830.000.000	8.383.000	39,16
Ông Lê Sơn Hà	20.098.400.000	2.009.840	9,39
Công ty Cổ phần Đầu tư Hà Việt (đại diện bởi Ông Tống Văn Dũng)	61.700.000	6.170	0,03
Các cổ đông khác	110.105.200.000	11.010.520	51,42
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>214.095.300.000</b>	<b>21.409.530</b>	<b>100,00</b>

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**10. LỖ LŨY KẾ**

	VNĐ	
	Năm 2012	Năm 2011
Lỗ lũy kế đầu năm	(95.802.709.707)	(65.396.308.757)
Lãi/(lỗ) thuần trong năm	<u>29.798.714.844</u>	<u>(30.406.400.950)</u>
<b>LỖ LŨY KẾ CUỐI NĂM</b>	<b><u>(66.003.994.863)</u></b>	<b><u>(95.802.709.707)</u></b>

**11. PHÍ VÀ CHI PHÍ KHÁC**

	VNĐ	
	Năm 2012	Năm 2011
Phí duy trì tài khoản nhà đầu tư	236.368.000	243.149.500
Phí báo giá chứng khoán	-	54.000.000
Phí niêm yết	22.140.953	22.140.953
Thù lao Ban Đại diện Quỹ	31.000.000	20.000.000
Chi phí quảng cáo	-	12.385.000
Phí ngân hàng	<u>1.293.685</u>	<u>3.790.665</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>290.802.638</u></b>	<b><u>355.466.118</u></b>

**12. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH**

**12.1 Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có các loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần, rủi ro tín dụng.

Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm tiền gửi và các khoản đầu tư chứng khoán.

*Rủi ro lãi suất*

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Quỹ chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi ngắn hạn của Quỹ. Đây là các khoản đầu tư ngắn hạn và không được Quỹ nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ sự tăng lên trong giá trị.

Quỹ quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho mục đích của Quỹ.

Quỹ không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất của Quỹ tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

*Rủi ro ngoại tệ*

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị của các công cụ tài chính bị thay đổi xuất phát từ những thay đổi về tỷ giá.

Quỹ được thành lập và hoạt động tại Việt Nam với đồng tiền báo cáo là VNĐ, đồng tiền giao dịch chính của Quỹ cũng là VNĐ. Quỹ không có rủi ro về tiền tệ.

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 12. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

### 12.2 *Rủi ro về giá cổ phiếu*

Các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết do Quý nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Quý quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết của Quý là 134.803.117.800 VNĐ (ngày 31 tháng 12 năm 2011: 106.902.835.700 VNĐ). Nếu giá thị trường của các cổ phiếu này tăng/(giảm) 10% tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 với các biến số khác không thay đổi thì lãi của Quý sẽ tăng/(giảm) khoảng 13.480.311.780 VNĐ (ngày 31 tháng 12 năm 2011: lỗ của Quý sẽ (giảm)/tăng 10.690.283.570 VNĐ).

### 12.3 *Rủi ro tín dụng*

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện hoặc không có khả năng thực hiện các nghĩa vụ của mình theo cam kết, dẫn đến tổn thất về tài chính. Quý có rủi ro tín dụng từ hoạt động tài chính bao gồm tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

Quý chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam. Rủi ro tiền gửi đối với số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận quản lý đầu tư của Quý theo chính sách của Quý. Quý nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là rất thấp.

Chính sách của Quý là đầu tư vào các công cụ tài chính của các đối tác có uy tín.

### 12.4 *Rủi ro thanh khoản*

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Quý gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Quý chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Quý đầu tư chủ yếu trên thị trường chứng khoán và các công cụ tài chính khác, trong điều kiện bình thường của thị trường, có thể dễ dàng chuyển đổi thành tiền mặt. Quý giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Quý và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2012 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**13. TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH**

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính của Quỹ.

	<i>Giá trị ghi sổ</i>		<i>Giá trị hợp lý</i>	
	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2012</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2011</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2012</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2011</i>
	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>			
<b>Tài sản tài chính</b>				
Các khoản đầu tư nắm giữ để kinh doanh	134.870.387.175	106.902.835.700	134.870.387.175	106.902.835.700
- Cổ phiếu niêm yết	134.803.117.800	106.902.835.700	134.803.117.800	106.902.835.700
- Quyền mua cổ phiếu	67.269.375	-	67.269.375	-
Các khoản phải thu				
- Phải thu từ hoạt động đầu tư chứng khoán	57.655.000	137.721.111	57.655.000	137.721.111
Tiền và các khoản tương đương tiền	13.744.040.782	11.822.500.501	13.744.040.782	11.822.500.501
<b>Tổng cộng</b>	<b>148.672.082.957</b>	<b>118.863.057.312</b>	<b>148.672.082.957</b>	<b>118.863.057.312</b>
<b>Nợ tài chính phải trả</b>				
Phải trả cho các bên có liên quan	267.264.282	217.516.845	267.264.282	217.516.845
Phải trả khác	313.513.538	352.950.174	313.513.538	352.950.174
<b>Tổng cộng</b>	<b>580.777.820</b>	<b>570.467.019</b>	<b>580.777.820</b>	<b>570.467.019</b>

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ tài chính phải trả được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

# Quỹ Đầu Tư Tăng trưởng Manulife

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2012 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 13. TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Quỹ sử dụng phương pháp và giả định sau đây được sử dụng để ước tính giá trị hợp lý:

- ▶ Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu từ hoạt động đầu tư chứng khoán, phải thu khác, phải trả cho các bên có liên quan, phải trả khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.
- ▶ Giá trị hợp lý của các cổ phiếu đã niêm yết được đánh giá theo giá đóng cửa của ngày giao dịch gần nhất.
- ▶ Giá trị hợp lý của quyền mua cổ phiếu được đánh giá lại theo giá thị trường của cổ phiếu đó sau khi trừ giá cam kết mua nhân với tỷ lệ thực hiện quyền mua cổ phiếu đó.

## 14. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

### i) Công ty TNHH Quản lý Quỹ Manulife Việt Nam, Công ty Quản lý Quỹ

Theo Điều lệ Quỹ, Công ty TNHH Quản lý Quỹ Manulife Việt Nam được hưởng phí quản lý quỹ hàng năm. Phí quản lý quỹ hàng năm bằng 2,00% giá trị tài sản ròng của Quỹ.

	VNĐ	
	Năm 2012	Năm 2011
Phí Quản lý Quỹ	<u>2.866.831.503</u>	<u>2.730.108.968</u>

### ii) Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam) ("HSBC Việt Nam"), Ngân hàng Giám sát và Lưu ký

Quỹ đã chỉ định HSBC Việt Nam làm Ngân hàng Giám sát và Lưu ký. Quỹ có nghĩa vụ phải trả cho Ngân hàng Giám sát và Lưu ký một khoản phí lưu ký hàng năm bằng 0,06% giá trị tài sản ròng của Quỹ, phí giám sát hàng năm bằng 0,02% giá trị tài sản ròng của Quỹ và phí giao dịch chứng khoán là 195.000 VNĐ/một giao dịch, nhưng tối thiểu bằng 19.500.000 VNĐ mỗi tháng (bao gồm phí lưu ký tối thiểu 14.500.000 VNĐ và phí giám sát tối thiểu 5.000.000 VNĐ); phí giám sát thuộc đối tượng chịu thuế giá trị gia tăng 10%.

Ngoài ra, từ 1 tháng 1 năm 2011, HSBC Việt Nam có thu thêm thu phí lưu ký trên giá trị tài sản lưu ký cuối tháng và phí chuyển khoản chứng khoán thực hiện trong tháng của Quỹ. Các khoản phí này sẽ được ngân hàng thanh toán lại cho Trung tâm Lưu ký chứng khoán ("TTLKCK") hàng tháng và được tính cụ thể như sau:

- ▶ Phí lưu ký tại TTLKCK: 0,5 VNĐ/cổ phiếu hoặc chứng chỉ quỹ mỗi tháng và 0,2 VNĐ/trái phiếu mỗi tháng.
- ▶ Phí chuyển khoản chứng khoán của TTLKCK: 0,5 VNĐ/cổ phiếu/giao dịch (nhưng không vượt quá 500.000 VNĐ/giao dịch).

(Căn cứ theo Thông tư số 27/2010/TT-BTC ban hành bởi Bộ tài chính quy định mức thu, chế độ thu nộp, quản lý và sử dụng phí hoạt động chứng khoán áp dụng tại các Sở giao dịch chứng khoán và Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam vào ngày 26 tháng 02 năm 2010).



# Quỹ Đầu Tư Tăng trưởng Manulife

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2012 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 14. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

ii) Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam) ("HSBC Việt Nam"), Ngân hàng Giám sát và Lưu ký (tiếp theo)

	Năm 2012	Năm 2011 (trình bày lại)
		(*)
Phí giám sát và lưu ký	240.000.000	240.000.000
Tiền gửi thanh toán	13.744.040.782	5.752.500.501

(\*) Số liệu về phí giám sát và lưu ký với HSBC (Việt Nam) trình bày tại thuyết minh số 14 - Nghiệp vụ với các bên liên quan trong báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2011 bao gồm phí lưu ký và giao dịch 20.733.039 VNĐ cần trả cho TTLKCK mà HSBC (Việt Nam) thực hiện thu hộ.

iii) Phụ cấp cho Ban Đại diện Quỹ

Phụ cấp cho Ban Đại diện Quỹ trong năm 2012 là 31.000.000 VNĐ (năm 2011: 20.000.000 VNĐ) và được hạch toán như chi phí của Quỹ.

Ngoài thù lao cho Ban đại diện, không có bất kỳ hợp đồng hay giao dịch nào mà theo đó Quỹ và bất kỳ thành viên của Ban Đại diện Quỹ là một bên tham gia ký kết hợp đồng trong trường hợp thành viên Ban Đại diện Quỹ có lợi ích quan trọng trong hợp đồng.

iv) Số lượng chứng chỉ quỹ mà các bên liên quan nắm giữ

Chi tiết các bên liên quan nắm giữ đơn vị Quỹ với số lượng cụ thể như sau:

Các bên liên quan	Số lượng đơn vị quỹ nắm giữ
Công ty TNHH Manulife Việt Nam	8.383.000
Công ty TNHH Quản lý Quỹ Manulife Việt Nam	Không
HSBC Việt Nam	Không
Công ty Cổ phần Đầu tư Hà Việt	6.170

Các thành viên Ban Đại diện Quỹ

Ông Thái Hoàng Long	Chủ tịch	Không
Bà Nguyễn Ngọc Trang	Thành viên	Không
Bà Lâm Lệ Linh	Thành viên	100.000
Ông Võ Văn Tiến	Thành viên	73.400
Ông Tống Văn Dũng (đại diện Công ty Cổ phần Đầu tư Hà Việt)	Thành viên	Không



# Quỹ Đầu Tư Tăng trưởng Manulife

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2012 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

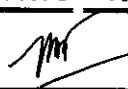
## 15. MỘT SỐ CHỈ TIÊU ĐÁNH GIÁ KHÁI QUÁT


	Năm 2012	Năm 2011
<b>I Các chỉ số về tình hình hoạt động đầu tư</b>		
1 Tỷ lệ các loại chứng khoán/Tổng giá trị tài sản	90,72%	89,94%
2 Tỷ lệ các loại cổ phiếu/Tổng giá trị tài sản	90,67%	89,94%
3 Tỷ lệ các loại cổ phiếu niêm yết/Tổng giá trị tài sản	90,67%	89,94%
4 Tỷ lệ các loại cổ phiếu chưa niêm yết/Tổng giá trị tài sản	0,00%	0,00%
5 Tỷ lệ các loại trái phiếu/Tổng giá trị tài sản	0,00%	0,00%
6 Tỷ lệ các loại chứng khoán khác/Tổng giá trị tài sản	0,05%	0,00%
7 Tỷ lệ tiền mặt/Tổng giá trị tài sản	9,24%	9,95%
8 Tỷ lệ thu nhập/Tổng giá trị tài sản	22,56%	-22,46%
9 Tỷ lệ chi phí/Tổng giá trị tài sản	2,52%	3,12%
<b>II Các chỉ số thị trường</b>		
1 Tổng số đơn vị quỹ đang lưu hành (đơn vị quỹ)	21.409.530	21.409.530
2 Tỷ lệ nắm giữ đơn vị quỹ của các nhân viên Công ty Quản lý Quỹ Manulife Việt Nam/Tổng số đơn vị quỹ	0,00%	0,00%
3 Giá trị đơn vị quỹ (VNĐ)	6.917	5.525

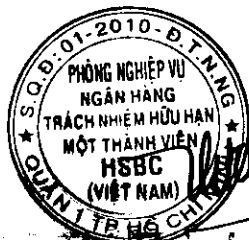
## 16. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM


Tại ngày 21 tháng 2 năm 2013, tổng giá trị hợp lý của các khoản đầu tư của Quỹ vào ngày 31 tháng 12 năm 2012 đã tăng 19.590.123.400 VNĐ do sự tăng chung của thị trường chứng khoán tại Việt Nam.

	Ngày 31/12/2012	Ngày 21/2/2013	VNĐ Biến động
Cổ phiếu niêm yết	134.803.117.800	154.360.951.900	19.557.834.100
Quyền mua cổ phiếu niêm yết	67.269.375	99.558.675	32.289.300
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>134.870.387.175</b>	<b>154.460.510.575</b>	<b>19.590.123.400</b>

  
Công ty TNHH Quản lý Quỹ Manulife Việt Nam  
Bà Kiều Thị Minh Hằng  
Người lập

  
Công ty TNHH Quản lý Quỹ Manulife Việt Nam  
Bà Ngô Thị Bạch Minh Luân  
Kế toán trưởng  
Trưởng phòng Nghiệp vụ Quản lý Quỹ



  
**Thị Thanh Tâm**  
Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam)  
Bộ phận Dịch vụ Quản lý Quỹ  
Số phận Dịch vụ Chứng Khoán HSBC  
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam  
Ngày 22 tháng 2 năm 2013



  
Công ty TNHH Quản lý Quỹ Manulife Việt Nam  
Bà Nguyễn Vũ Ngọc Trinh  
Tổng Giám đốc